

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;  
thủ tục hành chính bị bãi bỏ của ngành Giáo dục và Đào tạo  
áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ);*

*Căn cứ Quyết định số 951/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 122/TTr-SGDĐT ngày 09 tháng 5 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ của ngành Giáo dục và Đào tạo áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang (Có Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công quốc gia;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Gia Long**

**Phần I.**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ CỦA NGÀNH**  
**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

(Kèm theo Quyết định số: 699 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 05 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)

**I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

| STT                                                                   | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                 | Thời gian giải quyết | Cách thức thực hiện                                                                                                        | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                             | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc ban hành mới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)                                                                   | (2)        | (3)                                                                      | (4)                  | (5)                                                                                                                        | (6)                                                                                                                                                                                                                                                            | (7)         | (8)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>                                      |            |                                                                          |                      |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</b> |            |                                                                          |                      |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 1                                                                     | 2.002770   | Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo | 07 ngày làm việc     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp hoặc qua DVBC</li> <li>- Nộp qua DVC trực tuyến một phần</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi trực tiếp hoặc qua DVBC: Tại các cơ sở giáo dục;</li> <li>- Gửi trực tuyến: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a>).</li> </ul> | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 66/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 951/QĐ-BGDĐT ngày 09/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                     | Thời gian giải quyết | Cách thức thực hiện                                                                                                        | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                             | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc ban hành mới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                              |                      |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                |             | hành và bị bãi bỏ lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 2   | 2.002771   | Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo | 05 ngày              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp hoặc qua DVBC</li> <li>- Nộp qua DVC trực tuyến một phần</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi trực tiếp hoặc qua DVBC: Tại các cơ sở giáo dục;</li> <li>- Gửi trực tuyến: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a>).</li> </ul> | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 66/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 951/QĐ-BGDĐT ngày 09/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> </ul> |

## II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

| STT                                                                   | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                     | Căn cứ pháp lý cho việc bãi bỏ TTHC                                                                                                                                                                                                                      |
|-----------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)                                                                   | (2)        | (3)                                                                                        | (4)                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>                                    |            |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>Lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</b> |            |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1                                                                     | 1.004435   | Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh     | Nghị định 66/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách |
| 2                                                                     | 1.004436   | Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số | Nghị định 66/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách |
| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>                                   |            |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>Lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</b> |            |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1                                                                     | 1.004438   | Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu          | Nghị định 66/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ nhà trẻ, học sinh,                                                                                                                                                           |

|  |  |                                                   |                                                                                                                                                           |
|--|--|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn | học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách |
|--|--|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Phần II.**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC**

(Kèm theo Quyết định số: 699 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 05 năm 2025 của  
Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)

**1. TTHC áp dụng quy trình 07 ngày làm việc**

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                 |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 2.002770 | Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo |

**Nội dung quy trình**

| Thứ tự công việc | Nội dung công việc cụ thể                                                                  | Đơn vị/người thực hiện                 | Thời gian thực hiện (ngày/giờ) | Cơ quan phối hợp (nếu có) |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------|---------------------------|
| Bước 1           | Tiếp nhận hồ sơ                                                                            | Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Cơ sở giáo dục | 15 ngày                        |                           |
| Bước 2           | Thẩm định hồ sơ                                                                            | Bộ phận chuyên môn                     | 06 ngày                        |                           |
| Bước 3           | Ban hành quyết định phê duyệt, niêm yết công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách | Cơ sở giáo dục                         | 01 ngày                        |                           |

**2. TTHC áp dụng quy trình 05 ngày làm việc**

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                     |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------|
| 1   | 2.002771 | Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo |

**Nội dung quy trình**

| Thứ tự công việc | Nội dung công việc cụ thể | Đơn vị/người thực hiện                 | Thời gian thực hiện (ngày/giờ) | Cơ quan phối hợp (nếu có) |
|------------------|---------------------------|----------------------------------------|--------------------------------|---------------------------|
| Bước 1           | Tiếp nhận hồ sơ           | Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Cơ sở giáo dục | 15 ngày                        |                           |

|               |                                                                                            |                    |         |  |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------|--|
| <b>Bước 2</b> | Thẩm định hồ sơ                                                                            | Bộ phận chuyên môn | 04 ngày |  |
| <b>Bước 3</b> | Ban hành quyết định phê duyệt, niêm yết công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách | Cơ sở giáo dục     | 01 ngày |  |